

chơi hoang đường, nên quyền bính rơi vào tay Tào Sảng và Tư Mã Ý. Năm 249, Tư Mã Ý làm chính biến tiêu diệt tập đoàn Tào Sảng rồi nắm lấy mọi quyền bính. Năm 265, cháu Tư Mã Ý là Tư Mã Viêm diễn lại màn kịch của Tào Phi trước kia, bắt vua Ngụy phải nhường ngôi, lấy hiệu là Vũ đế (năm 265 – 289), đổi tên nước thành Tấn, lịch sử gọi là Tây Tấn.

Tấn Vũ đế thi hành chính sách phong vương cho những người họ hàng thân thích, còn cho họ thành lập quân đội riêng của mình. Chính sách phân phong ấy đã làm nảy sinh những mâu thuẫn sâu sắc giữa chính phủ trung ương với các vương, và giữa các vương với nhau. Vì vậy, sau khi Tấn Vũ đế chết, năm 291, trong triều đình đã xảy ra cuộc chiến tranh bè phái rồi phát triển thành một cuộc nội chiến giữa các vương kéo dài đến năm 306, lịch sử gọi là "Loạn tám vương".

Trong cuộc nội chiến này, các vương đều tranh nhau khống chế chính quyền trung ương, kết quả là Tấn Huệ đế và 7 vương bị giết chết, còn nhân dân thì vô cùng khốn khổ và bị thiệt mạng không biết bao nhiêu mà kể.

Nhân khi Tây Tấn có nội chiến, các tộc Hung Nô, Yết, Tiên Ti, Đê, Khương mà đời Tấn gọi chung là Ngũ Hồ không ngừng nổi dậy chống Tấn. Năm 304, một quý tộc Hung Nô là Lưu Uyên tự xưng làm Hán vương, lập nên nước Hán. Năm 311, quân Hung Nô tấn công và hạ được Lạc Dương. Tấn Hoài đế bị bắt và đến năm 313 bị giết chết. Năm đó, Tấn Mẫn đế lên ngôi ở Trường An, nhưng đến năm 316, quân Hung Nô lại tấn công Trường An, Mẫn đế đầu hàng, Tây Tấn diệt vong.

2. Đông Tấn (317 – 420)

Sau khi Tây Tấn diệt vong, năm 317, một tôn thất nhà Tấn là Tư Mã Duệ được lập nên làm vua ở Kiến Khang (Nam Kinh sau này), triều Đông Tấn bắt đầu. Từ đó, phạm vi thống trị của Tấn chỉ còn nửa nước từ Trường Giang trở về nam mà thôi.

Còn ở miền Bắc, từ đó đến năm 439 các tộc thiểu số và người Hán trước sau đã thành lập nhiều nước nhỏ. Trong suốt hơn một thế kỷ đó, nước Tiền Tần do tộc Đê thành lập có thống nhất miền Bắc Trung Quốc được 8 năm (từ năm 376 – 384) còn phần lớn thời gian, tình hình chia cắt rất nghiêm trọng. Chính trong thời gian thống nhất ngắn ngủi đó, vua Tiền Tần là Bồ Kiên muốn thôn tính cả miền Nam. Năm 383, Bồ Kiên đem 90 vạn quân rầm rộ kéo xuống đánh Đông Tấn. Hai bên giao chiến ở sông Phì, kết quả quân Tiền Tần bị thất bại thảm hại.

Sau trận sông Phì, nước Tiên Tần tan rã nhanh chóng, miền Bắc Trung Quốc lại bị chia cắt và rối loạn, mãi đến năm 439, nước Bắc Ngụy của người Tiên Ti mới thống nhất miền Bắc Trung Quốc một lần nữa.

Còn Đông Tấn, chính quyền cũng lung lay, quyền hành rơi vào tay một viên tướng là Lưu Dụ. Năm 420, Lưu Dụ bắt vua Đông Tấn phải "nhường ngôi" cho mình, Đông Tấn diệt vong.

V – THỜI KÌ NAM BẮC TRIỀU (420 – 589)

1. Nam triều

Lưu Dụ cướp ngôi của Đông Tấn, lập nên một triều đại mới gọi là Tống (420 – 479)

Năm 479, một viên tướng của Tống là Tiêu Đạo Thành truất ngôi của Tống, lên làm vua, lập nên triều Tề (479–502).

Năm 502, một người trong họ tên là Tiêu Diễn khởi binh lật đổ triều Tề, lên làm vua, đổi tên nước là Lương (502–557). Năm 548, một hàng tướng của Đông Ngụy (Bắc Triều) là Hầu Cảnh lại phản Lương. Năm 549, Hầu Cảnh chiếm được kinh đô Kiến Khang, Tiêu Diễn bị chết đói trong khi bị bao vây. Năm 551, Hầu Cảnh truất ngôi nhà Lương, tự lập làm Hán đế, nhưng sang năm 552 bị thất bại và bị bộ hạ giết chết. Nhà Lương được khôi phục và tồn tại thoi thóp mấy năm nữa.

Năm 557, một viên tướng có công lớn trong việc đánh bại Hầu Cảnh là Trần Bá Tiên bắt vua Lương phải "nhường ngôi" cho mình, lập nên triều Trần (557–589). Đến năm 589, Trần bị triều Tùy ở miền Bắc tiêu diệt.

Bốn triều đại Tống, Tề, Lương, Trần đều chỉ thống trị được miền Nam và đều đóng đô ở Kiến Khang nên được gọi chung là Nam triều.

2. Bắc triều

Khi Lưu Dụ lập triều Tống ở miền Nam thì ở miền Bắc, tình hình chia cắt vẫn còn trầm trọng. Năm 439, nước Bắc Ngụy của tộc Tiên Ti thống nhất được miền Bắc Trung Quốc, đóng đô ở Bình Thành (Sơn Tây), đến năm 494 thì dời đến Lạc Dương.

Các vua Bắc Ngụy, nhất là Hiếu Văn đế (471 – 499) tích cực thi hành chính sách Hán hoá như đổi họ Tiên Ti thành họ Hán tộc, bỏ y phục kiểu Tiên Ti, cấm dùng tiếng Tiên Ti ở triều đình, đặt chế độ quan lại như các triều đại phong kiến Hán tộc, lại hết sức chú trọng nền kinh tế nông nghiệp, do đó lần đầu tiên đã ban hành chế độ quân điền. Tuy vậy, do cuộc đấu tranh trong cung đình, năm 535, Bắc Ngụy lại chia thành hai nước là Đông Ngụy và Tây Ngụy. Năm 550, Bắc Tề thay thế Đông Ngụy. Năm 557, Tây Ngụy cũng bị Bắc Chu cướp ngôi. Năm 577, Bắc Chu diệt Bắc Tề. Năm 581, một ngoại thích tên là Dương Kiên đã giành ngôi của Bắc Chu, hiệu là Văn đế, đổi tên nước là Tuỳ, đóng đô ở Trường An.

Lúc bấy giờ vua Trần ở miền Nam đang say đắm hoan lạc, thế nước rất yếu. Năm 589, Tuỳ đem 50 vạn quân vượt Trường Giang tiêu diệt Trần, Trung Quốc lại được thống nhất.

VI – TRIỀU TUỖ (581 – 618)

1. Sự thống trị đối với nhân dân trong nước

Dưới thời Văn đế, nhà Tuỳ đã thi hành nhiều chính sách tích cực như tiếp tục áp dụng chế độ quân điền, giảm nhẹ tô thuế và lao dịch, thống nhất tiền tệ, mở khoa thi để tuyển chọn nhân tài bổ sung vào bộ máy nhà nước v.v... do đó kinh tế bước đầu phát triển, xã hội tương đối ổn định, chính quyền triều Tuỳ tỏ ra rất vững chắc.

Năm 604, Tuỳ Văn đế bị con mình là Dương Quảng đầu độc chết. Dương Quảng lên ngôi, hiệu là Dương đế⁽¹⁾. Từ đó, mâu thuẫn giữa nhà Tuỳ với nhiều tầng lớp xã hội ngày càng gay gắt.

Là một bạo chúa nổi tiếng, Dương đế đã bóc lột nhân dân vô hạn độ để thoả mãn những dục vọng ngông cuồng của mình. Ngay khi mới lên làm vua, năm 605, Dương đế huy động hàng triệu dân phu để xây dựng Đông đô Lạc Dương, vườn Tây Uyển, hàng chục hành cung, và một mạng lưới sông đào nối liền các con sông lớn trong nước. Tiếp đó, Dương đế còn bắt đắp một hệ thống đường sá dài mấy nghìn dặm, và bắt đóng hàng vạn chiếc thuyền để cho vua đi chơi. Sau khi gấp rút hoàn thành hệ thống kênh đào và đường sá, năm nào Tuỳ Dương đế cũng tổ chức những cuộc viễn du,

(1) Cũng gọi là Dương đế hoặc Dạng đế.

trong đó rầm rộ nhất là cuộc đi chơi thuyền xuống Trường Giang năm 605. Lần này, đoàn tùy tùng của Đường đế đông đến 50 vạn người bao gồm hoàng hậu, cung phi, quý tộc, quan lại, binh lính... với hơn 5.000 chiếc thuyền lớn nhỏ nối đuôi nhau dài hơn 200 dặm.

Trong khi đó, Đường đế còn huy động nhiều sức người sức của để phát động những cuộc chiến tranh xâm lược bên ngoài, đặc biệt là đối với Cao Câu Li, một nước ở Bắc bán đảo Triều Tiên và Đông Bắc Trung Quốc ngày nay.

Để chuẩn bị chiến tranh, Đường đế đã huy động trai tráng trong cả nước phải gấp rút vận chuyển lương thực, vũ khí quân trang đến Trác Quận (vùng Bắc Kinh ngày nay). Do vậy, binh lính và dân công ngày đêm đi lại trên đường về căn cứ địa có đến hàng chục vạn. Vì vất vả, đói khát, người gối đầu lên nhau mà chết đầy đường.

Đã thế, ba lần viễn chinh Cao Câu Li đều bị thất bại thảm hại, do đó số người bị thiệt mạng càng nhiều. Tình hình đó làm cho lực lượng lao động bị giảm sút trầm trọng, ruộng đất bị bỏ hoang rất nhiều, nhân dân khắp cả nước thường xuyên đói khổ.

2. Những cuộc chiến tranh xâm lược

Từ cuối thời Đông Hán đến thời Nam Bắc triều, do tình hình rối ren ở trong nước, các triều đại phong kiến Trung Quốc không thể xâm lược bên ngoài được, nhưng đến khi đất nước vừa thống nhất, nhà Tùy liền phát động chiến tranh để thôn tính các nước xung quanh.

Lúc bấy giờ, Triều Tiên đang chia thành ba nước đối địch với nhau là Cao Câu Li ở phía Bắc, Bách Tế ở Tây Nam và Tân La ở Đông Nam, trong đó địa bàn của Cao Câu Li gồm miền Bắc bán đảo Triều Tiên và phần lớn vùng Đông Bắc của Trung Quốc ngày nay.

Để gây sự, năm 597, Tùy Văn đế gửi thư kể tội vua Cao Câu Li nhiều lần sai quân kị giết hại cư dân ở biên giới và ngấm mua chuộc thợ cung nô làm việc trong binh công xưởng của Trung Quốc trốn sang Cao Câu Li. Năm 598, lại lấy cớ Cao Câu Li cho quân cướp phá ở biên giới, Tùy Văn Đế bèn đưa 30 vạn quân thủy bộ chia đường đánh Cao Câu Li. Nhưng bộ binh thì gặp lụt không tiếp tế lương thực được, thủy quân thì gặp bão, phần lớn chiến thuyền bị đắm, quân sĩ chết mất tám chín phần mười, quân Tùy phải vội vàng rút lui.

Ở nước ta, từ năm 544, Lý Bí đã đánh đuổi được quân Lương, thành lập nước Vạn Xuân, giành lại quyền tự chủ cho Tổ quốc.

Năm 603, Tuỳ Văn đế sai Lưu Phương đem 10 vạn quân sang tấn công nước Vạn Xuân. Nước ta lại bị nội thuộc Trung Quốc.

Năm 605, Lưu Phương lại đem quân xuống phía nam đánh Lâm Ấp (Chiêm Thành). Tuy tạm thời chiếm được đô thành nhưng bị tổn thất nặng nề khi phải đương đầu với đàn voi trận, nên phải vội vàng rút lui. Bản thân Lưu Phương cũng "gặp nạn" mà bỏ mạng trên đường rút quân.

Về hướng tây, năm 609, Tuỳ Dương đế tự mình đem quân đánh nước Đột Dục Hồn, một nước nhỏ của người Tiên Ti ở vùng Cam Túc ngày nay. Tiếp đó, Dương đế tiếp tục tiến sang phía tây, các nước Tây Vực lại phải thần phục Trung Quốc. Trên đất đai chiếm được, nhà Tuỳ thành lập bốn quận rồi dày tội phạm trong nước đến lập đồn điền để trấn giữ. Nhưng chẳng bao lâu, tình hình Trung Quốc hỗn loạn, triều Tuỳ diệt vong, các nước Tây Vực lại thoát khỏi sự khống chế của Trung Quốc.

Ở phía đông bắc, Cao Câu Li là một mục tiêu quan trọng mà nhà Tuỳ chưa chinh phục được. Hơn nữa, vua tôi Tuỳ Dương đế cho rằng Cao Câu Li vốn là đất Trung Quốc, nay mới không thần phục, lập thành một vùng riêng, chả lẽ lại để *"mảnh đất của mũ đai này vẫn là xứ sở của bọn Man Di hay sao?"*⁽¹⁾. Vì vậy năm 611, Dương đế hạ chiếu chuẩn bị đi đánh Cao Câu Li.

Đầu xuân năm 612, Dương đế huy động 1.130.000 quân thủy bộ chia làm hai đạo tấn công Cao Câu Li trong đó cánh quân bộ do Dương đế đích thân chỉ huy. Cả đoàn quân xâm lược khổng lồ ấy xuất phát 40 ngày mới hết. Thế nhưng, cả hai cánh quân đều bị thất bại hết sức nặng nề, nên đến tháng 7 năm đó, Tuỳ Dương đế phải ra lệnh rút toàn quân về nước.

Năm 613, Dương đế lại đem quân tấn công Cao Câu Li lần thứ hai. Đang tấn công Liêu Đông chưa hạ được thì nghe tin Thượng trụ quốc Dương Huyền Cảm khởi binh chống Tuỳ, Dương đế phải vội vàng đem quân về.

Đẹp xong cuộc nổi dậy của Dương Huyền Cảm, năm 614 Dương đế lại *"dốc binh lính cả nước"* đi xâm lược Cao Câu Li lần thứ ba. Nhưng trong thời gian đó, nông dân khắp nơi trong nước nổi dậy khởi nghĩa. Dương đế lại phải vội vàng kéo quân về để đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc.

Như vậy, chỉ trong vòng 16 năm, nhà Tuỳ đã kéo đại quân sang xâm lược Cao Câu Li 4 lần, nhưng đều bị thất bại hết sức nhục nhã.

(1) Tuỳ Thư. Quyển 617. Truyện Bùi Cự

3. Phong trào chiến tranh nông dân cuối Tuỳ

Sự ăn chơi xa xỉ của Tuỳ Dương đế và những cuộc chiến tranh xâm lược Cao Câu Li đã làm cho nhân dân Trung Quốc vô cùng khốn khổ, trong đó nghiêm trọng nhất là vùng Hà Bắc, Sơn Đông. Ở đây, từ năm 611, mấy năm liền bị lụt hạn và ôn dịch. Đã thế, Dương đế lại lấy vùng này làm căn cứ xuất phát của các cuộc chiến tranh xâm lược Cao Câu Li, nên nhân dân ở đây phải gánh chịu nghĩa vụ lao dịch và binh dịch nặng nề hơn những nơi khác. Chính vì vậy, đây là nơi đầu tiên nổ ra khởi nghĩa.

Ngay từ năm 611, khi nhà Tuỳ đang gấp rút chuẩn bị chiến tranh thì ở Sơn Đông đã có rất nhiều người nổi dậy hô hào khởi nghĩa. Một người trong số đó là Vương Bạc tự xưng là "Tri thế lang" (người hiểu thời thế) đã sáng tác bài hát *Đừng đi chết uổng ở Liêu Đông* để kêu gọi phản chiến. Sự hô hào ấy đã được phần lớn những người trốn tránh lao dịch và binh dịch hưởng ứng, do đó lực lượng của Vương Bạc phát triển rất nhanh chóng. Năm 613, nhân khi nhân dân khắp nơi sôi sục đấu tranh, một số quan lại mà tiêu biểu là Thượng thư Bộ Lễ Dương Huyền Cảm lợi dụng thời cơ Dương đế đang đem quân đi xâm lược Cao Câu Li lần thứ hai đã nổi dậy chống Tuỳ. Cuộc khởi binh này bị thất bại nhanh chóng, nhưng càng làm cho nội bộ giai cấp thống trị chia rẽ và do đó càng thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân.

Đến cuối năm 615, phong trào khởi nghĩa lan rộng khắp cả nước, tính ra có đến trên dưới trăm nhóm nghĩa quân với số người tham gia hàng mấy triệu. Dần dần các nhóm khởi nghĩa riêng lẻ ấy đã liên hợp lại thành nhiều lực lượng lớn mạnh, trong đó chủ yếu nhất là lực lượng của Lý Mật ở Hà Nam và lực lượng của Đậu Kiến Đức ở Hà Bắc. Hai lực lượng này đã đánh bại quân Tuỳ nhiều trận, làm chủ được một vùng rộng lớn ở bắc và nam Hoàng Hà.

Để tránh xa phong trào đấu tranh của nhân dân miền Bắc, năm 616, Dương đế phải rời kinh đô Trường An đi xuống Giang Đô ở miền Nam, nhưng đến năm 618 thì bị các tướng tuỳ từng làm binh biến giết chết. Triều Tuỳ diệt vong.

VII – TRIỀU ĐƯỜNG (618 – 907)

1. Sự thành lập triều Đường và nền thịnh trị thời Đường Thái Tông

Sau khi Tùy Dương đế rời khỏi kinh đô, năm 617, một viên quan của nhà Tùy tên là Lý Uyên cùng với con mình là Lý Thế Dân khởi binh ở Thái Nguyên (Sơn Tây) rồi tấn công Trường An. Năm 618, Lý Uyên xưng làm vua, đặt quốc hiệu là Đường. Đó là Đường Cao tổ (618–626).

Tiếp đó, Đường tập trung lực lượng để đánh bại quân nông dân và tàn quân của Tùy. Ngay năm 618, Lý Mật phải đầu hàng, đến năm 621, Đâu Kiến Đức cũng bị Lý Thế Dân đánh bại và bị bắt, lực lượng hoàn toàn tan rã. Sau 10 năm chấn, đến năm 628, mọi thế lực cát cứ đều bị tiêu diệt, Trung Quốc lại hoàn toàn thống nhất.

Trong quá trình ấy, năm 626 do ghen tị, người con trưởng của Lý Uyên là Lý Kiến Thành và người con thứ tên là Lý Nguyên Cát đã tổ chức đầu độc Lý Thế Dân nhưng không thành công, do đó đã bị Lý Thế Dân và vây cánh giết ở cửa Huyền Vũ của hoàng thành.

Cũng năm đó, Lý Uyên thoái vị, Lý Thế Dân lên nối ngôi. Đó là Đường Thái tông⁽¹⁾.

Phong trào đấu tranh của nhân dân và sự diệt vong của các triều đại trước đã làm cho Đường Thái tông nhận thức được rằng : *"Thuyền ví như vua, nước ví như dân, nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền"*⁽²⁾.

Ông còn nói : *"Tai họa của vua không phải từ bên ngoài đến mà thường tự mình mà ra. Nếu muốn phô trương thì phải chi tiêu rộng, chi tiêu rộng thì phải thu thuế nặng, thu thuế nặng thì dân sầu oán, dân sầu oán thì nước nguy, nước nguy thì vua chết"*⁽³⁾.

(1) Nhân sự việc này, Trần Dụ tông có bài thơ so sánh Trần Thái tông với Đường Thái tông như sau :

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái tông,
Bỉ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong.
Kiến Thành tru tử, Yên Sinh tại,
Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng

Dịch :

Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái tông,
Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong.
Kiến Thành bị giết, Yên Sinh (Trần Liễn) sống,
Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng.

(Đại Việt sử ký toàn thư. Tập II. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1985, trang. 40)

(2), (3) Tư trị thông giám. Quyển 192, Đường kỷ VIII.

Chính nhờ hiểu được như vậy, nên Đường Thái tông đã thi hành nhiều chính sách có lợi cho dân như thi hành chế độ quân điền, giảm bớt lao dịch, hạn chế lãng phí, giảm nhẹ hình phạt, chọn quan lại thanh liêm v.v... Do đó, chỉ sau mấy năm, kinh tế được khôi phục và phát triển, chính trị ổn định, lịch sử Trung Quốc gọi là *nền thịnh trị thời Trinh Quán* (niên hiệu của Thái tông từ 627 – 649).

2. Sự chuyên quyền của nữ hoàng Võ Tắc Thiên

Năm 649, Đường Thái tông chết. Cao tông, vua nối ngôi, là một người nhu nhược ốm yếu, nên dần dần mọi việc đều do hoàng hậu Võ Tắc Thiên quyết định.

Võ Tắc Thiên là con một công thần của nhà Đường ; năm 14 tuổi được tuyển làm cung phi của cung Đường Thái tông. Thái tông chết, Võ Tắc Thiên được bố trí cho vào chùa đi tu, rồi ít lâu sau được đón về làm cung phi của Đường Cao tông. Là một phụ nữ xinh đẹp, khôn ngoan, xảo quyệt, tàn nhẫn, cương quyết, lại biết nhẫn nhục chờ thời, đến năm 655, Võ Tắc Thiên giành được ngôi hoàng hậu.

Năm 683, Cao tông chết, Trung tông, Duệ tông lần lượt được cử lên làm vua bù nhìn, nhưng mọi quyền hành đều nằm trong tay Thái hậu họ Võ. Tuy vậy vẫn chưa thoả mãn, nên đến năm 690 Võ Tắc Thiên chính thức xưng làm hoàng đế, đổi quốc hiệu thành Chu (690 – 705).

Trong suốt mấy chục năm chấp chính, nhất là sau khi làm vua, Võ Tắc Thiên thẳng tay khủng bố những quý tộc chống đối bằng những nhục hình vô cùng thảm khốc. Kết quả là rất nhiều tôn thất, quý tộc, công thần bị giết hại. Trong khi đó, nhân dân phải gánh chịu những nghĩa vụ thuế khoá, lao dịch, binh dịch nặng nề hơn trước, lại bị bọn quan lại tham ô tàn bạo những nhiều hà hiếp, nên đời sống ngày càng cực khổ.

Năm 705, Võ Tắc Thiên ốm nặng, trong cung đình nổ ra chính biến. Võ Tắc Thiên buộc phải thoái vị. Triều Chu ngắn ngủi của vị nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc kết thúc.

3. Những cuộc chiến tranh xâm lược đầu đời Đường

Đến đời Đường Thái tông, Trung Quốc lại bước vào một thời kì thống nhất ổn định. Với điều kiện chủ quan ấy, nhà Đường lại phát động nhiều cuộc chiến tranh xâm lược các nước xung quanh.

Ở phía bắc, Thái tông lần lượt chinh phục Đông Đột Quyết và Tiết Diên Đà. Vào cuối đời Tuỳ, thế lực của Đông Đột Quyết tương đối mạnh, đã từng đưa 2.000 kỵ binh và 1.000 con ngựa giúp Lý Uyên trong cuộc nổi dậy chống Tuỳ. Nhưng sau khi nhà Đường thành lập, Đông Đột Quyết thường xuyên tấn công Trung Quốc. Đến năm 629, nhân khi nội bộ Đông Đột Quyết có nhiều mâu thuẫn gay gắt, Thái tông đã liên minh với Tiết Diên Đà cư trú ở phía bắc sa mạc Gôbi cùng tấn công Đông Đột Quyết. Năm 630, Đông Đột Quyết thua, quốc vương của họ bị bắt, quốc gia tan rã.

Sau khi Đông Đột Quyết diệt vong, thế lực của Tiết Diên Đà mạnh hẳn lên. Lo ngại trước tình hình đó, nhà Đường lại khôi phục nhà nước cho người Đột Quyết để tạo nên một thế đệm ở giữa Đường và Tiết Diên Đà. Năm 641, nhân khi Tiết Diên Đà tấn công Đột Quyết, nhà Đường đem hơn 10 vạn quân đánh Tiết Diên Đà. Tiết Diên Đà phải rút lui. Năm 646, nhân khi nội bộ Tiết Diên Đà lục đục, Đường lại tấn công Tiết Diên Đà. Quốc vương nước này bỏ chạy, sau bị tộc Hồi Hột giết chết. Tiết Diên Đà diệt vong. Năm 647, nhà Đường thiết lập ở đây một cơ quan cai trị gọi là *Yên Nhiên đô hộ phủ*, năm 663 đổi tên thành *Hàn Hải đô hộ phủ*, năm 669 lại đổi tên thành *An Bắc đô hộ phủ*.

Về phía tây, năm 635, nhà Đường thôn tính Đột Dục Hôn, năm 640, chiếm được nước Cao Xương rồi thành lập ở đây *An Tây đô hộ phủ*. Tiếp đó, Đường chiếm thêm được một số nước, một số nước nhỏ bé khác phải thần phục.

Ở phía đông bắc, lúc bấy giờ mâu thuẫn giữa ba nước Cao Câu Li, Bách Tế và Tân La rất gay gắt. Riêng ở Cao Câu Li, năm 642, Tuyên cái Tô Văn giết vua Cao Vũ rồi lập Cao Tạng lên ngôi, còn tự mình thì làm Mạc li chi (tương tự như Tế tướng) và nắm lấy mọi quyền bính.

Năm 643, Tân La bị liên quân Cao Câu Li và Bách Tế tấn công, nên sai sứ sang Trung Quốc xin cứu viện. Nhân cơ hội ấy, dưới chiêu bài để "*báo thù cho con em của Trung Quốc và rửa nhục cho vua cha của Cao Li*", Đường Thái tông quyết định tấn công Cao Câu Li.

Với 10 vạn quân thủy bộ và 500 chiến thuyền, năm 645 Đường Thái tông tự mình chỉ huy cuộc viễn chinh. Tân La cũng đem 5 vạn quân phối hợp tác chiến. Quân Đường vây thành An Thị (ở Liêu Ninh Trung Quốc ngày nay) 88 ngày không hạ được, lực lượng bị tổn thất nhiều, nên phải rút quân.

Cay cú vì thất bại, Đường Thái tông định đánh Cao Câu Li một lần nữa, nhưng sau khi bàn luận, cả triều đình cho rằng: "*Cao Li dựa vào núi làm thành, tấn công không thể hạ nhanh được*". Vì vậy, vua quan nhà Đường

chủ trương thay đổi chiến lược chỉ "*sai những đội quân nhỏ thay nhau quấy nhiễu biên giới*" làm cho nhân dân Cao Câu Li "mỏi mệt vì phải trốn tránh, bỏ cày cuốc để vào trong đồn lũy, sau mấy năm thì cả ngàn dặm bị tiêu điều, do đó lòng người tự li tán. Đến lúc ấy thì vùng phía bắc sông Áp Lục có thể không cần đánh cũng lấy được"⁽¹⁾.

Ngay sau đó, nhà Đường nhiều lần đưa những đội quân từ 1 đến 3 vạn người sang đánh phá các thành của Cao Câu Li rồi rút về. Năm 649, Đường Thái tông chết, mưu đồ chinh phục Triều Tiên phải tạm thời gác lại.

Đến thời Đường Cao tông (650 – 683), sự xung đột giữa các nước ở Triều Tiên vẫn tiếp diễn. Với sự giúp đỡ của Cao Câu Li, Bách Tế nhiều lần xâm nhập Tân La. Vì vậy, năm 660, Tân La lại cầu cứu nhà Đường một lần nữa.

Lần này, Nhà Đường đưa 10 vạn quân thủy bộ sang đánh Bách Tế. Bách Tế diệt vong.

Ở Cao Câu Li, năm 666, Tuyên cái Tô Văn chết. Vì tranh giành quyền lực, giữa các con của ông đã xảy ra xung đột vũ trang. Nhân cơ hội ấy, năm 667, nhà Đường phái quân tấn công Cao Câu Li. Năm 668, Cao Câu Li thất bại, phải đầu hàng.

Trên đất đai mới chiếm được, nhà Đường thành lập *An Đông đô hộ phủ*⁽²⁾ ở Bình Nhưỡng. Nhưng chỉ 8 năm sau, do sự đấu tranh của nhân dân Triều Tiên dưới sự lãnh đạo của Tân La, năm 676, thế lực của Đường phải rút khỏi bán đảo và phải dời An Đông đô hộ phủ về Liêu Đông.

Như vậy, trải qua gần 40 năm, các vua đầu đời Đường đã thôn tính được nhiều nước xung quanh lập thành một đế quốc rộng lớn vào bậc nhất thế giới đương thời⁽³⁾.

4. Vụ loạn An Sử và sự suy thoái của nhà Đường

Sau khi Võ Tắc Thiên thoái vị, Trung tông lại được lập lên làm vua, nhà Đường được khôi phục. Tuy vậy, tình hình trong triều rất rối ren, chỉ trong 7 năm, chính biến xảy ra nhiều lần, ba vua được lập lên rồi bị phế truất.

(1) *Tư trị thông giám*. Quyển 198, Đường kỉ XIV.

(2) Ở nước ta, năm 622, nhà Đường lập Giao Châu đô hộ phủ, đến năm 679 đổi thành *An Nam đô hộ phủ*.

(3) Đến giữa thế kỉ VIII, thế lực của người Hồi Hột và Thổ Phồn lớn mạnh. Họ chiếm nhiều đất đai mà trước kia nhà Đường đã chinh phục được và cắt đứt sự liên lạc giữa Trung Quốc với Tây Vực.